

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DS-ST

Ngày: 11-3-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Khởi

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Vụ án không thuộc trường hợp có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2025/TLST-DS, ngày 06 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS, ngày 27/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1985; Địa chỉ ấp C, xã T, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (có mặt)

Bị đơn: Bà Hứa Thị Cẩm T, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp Cạn Vàm A, xã Thạnh Yên, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/02/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ông Trần Văn L trình bày:

Ngày 30/02/2021 âm lịch, bà Hứa Thị Cẩm T có cầm cho ông Trần Văn L 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Trần Văn Trung (cha chồng của bà T). Lãi suất hai bên thỏa thuận là

4%/tháng, cuối mỗi tháng đóng lãi 1 lần. Khi vay bà T cam đoan quyền sử dụng đất trên là của cha chồng bà T (là ông Trần Văn Trung) cho vợ chồng bà T được toàn quyền sử dụng và sở hữu 02 phần đất này, nghe vậy Ông L mới đồng ý cầm và cho bà T vay 120.000.000 đồng. Sau khi vay khoảng 14 ngày bà T có đến năn nỉ Ông L cho mượn lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi làm thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và hứa 02 ngày sẽ trả lại cho Ông L. Tuy nhiên sau khi lấy lại được 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà T không trả tiền vay và cũng không chịu trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cầm cố cho Ông L. Vì vậy Ông L mới làm đơn tố cáo bà T đến Công an xã Thanh Yên. Công an xã Thanh Yên có mời bà T lên làm việc thì bà T thừa nhận có vay của Ông L số tiền là 120.000.000 đồng nhưng đã trả cho Ông L được 90.000.000 đồng, còn thiếu lại 30.000.000 đồng khi nào có tiền sẽ trả, nhưng thực tế là từ khi vay đến nay bà T không trả cho Ông L được số tiền nào. Ông Trần Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hứa Thị Cẩm T phải trả số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật từ khi vay đến khi bà T trả dứt nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 27/02/2025 bị đơn Bà Hứa Thị Cẩm T trình bày:

Bà T thừa nhận ngày 30/02/2021 âm lịch bà T có cầm cho ông Trần Văn L 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (do ông Trần Văn Trung là ba chồng của bà T đứng) để vay số tiền là 120.000.000 đồng. Sau khi vay được khoảng một tháng thì bà T đã trả cho Ông L được 90.000.000 đồng, nhưng bà T không nhớ là trả vào ngày nào và trả mấy lần? Sau khi trả cho Ông L được 90.000.000 đồng thì bà T có hỏi Ông L cho mượn lại 02 giấy quyền sử dụng đất đã cầm cố, do bà T đã trả cho Ông L được 90.000.000 đồng nên Ông L mới đồng ý làm giấy cho bà T mượn lại 02 giấy quyền sử dụng đất. Hiện tại 02 giấy quyền sử dụng đất bà T đã trả lại cho ông Trần Văn Trung. Bà T còn thiếu Ông L số tiền là 30.000.000 đồng, khi nào có tiền thì bà T sẽ trả cho Ông L. Vì lý do phải đi làm ăn xa nên bà T xin được xét xử vắng mặt.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

- *Tài liệu nguyên đơn ông Trần Thanh L cung cấp gồm:* Đơn khởi kiện, Giấy biên nhận và thế chấp tài sản ngày 30/2/2021, Giấy mượn lại bằng khoán ngày 14/3/2021, Bản sao Giấy chứng minh nhân tên Hứa Thị Cẩm T; Biên bản làm việc của Công an xã Thanh Yên đối với Bà Hứa Thị Cẩm T ngày 29/01/2025.

- *Tài liệu bị đơn cung cấp*: Bản trình bày ý kiến của Bà Hứa Thị Cẩm T ngày 11/02/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của ông Trần Thanh L thì ngày 30/02/2021 Bà Hứa Thị Cẩm T có cầm cho Ông L 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn Trung (cha chồng của bà T) đứng tên để vay số tiền 120.000.000 đồng. Sau khi vay được khoảng 14 ngày bà T đã hỏi mượn lại 02 giấy quyền sử dụng đất này và giữ luôn cho đến nay. Tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 27/02/2025 Bà Hứa Thị Cẩm T cũng thừa nhận là có lấy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha chồng là ông Trần Văn Trung đem thế chấp cho Ông L để vay tiền, nhưng sau đó Ông L đã trả lại cho bà T 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này và bà T đã trả lại cho ông Trần Văn Trung 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, Tòa án xét thấy không cần thiết phải đưa ông Trần Văn Trung vào tham gia tố tụng trong vụ án này (do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Trần Văn Trung bà T đã lấy lại, không còn cầm cố cho Ông L).

Đồng thời, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 27/02/2025 ông Trần Văn L trình bày: Số nợ này là do bà T đứng ra vay của Ông L nên Ông L chỉ yêu cầu bà T trả nợ, không yêu cầu chồng bà T chịu trách nhiệm liên đới. Bà T cũng thừa nhận là số nợ này do bà T tự đứng ra hỏi vay của Ông L để tiêu xài cá nhân, chồng bà T là ông Trần Văn Chương không biết. Do đó, Tòa án xét thấy cũng không cần thiết phải đưa chồng bà T là ông Trần Văn Chương vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, bị đơn Bà Hứa Thị Cẩm T vắng mặt, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp giữa nguyên đơn Ông Trần Văn L với bị đơn bà Hứa Thị Cẩm T là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể Trần Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hứa Thị Cẩm T phải trả cho Ông L số tiền vay gốc là 120.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ khi vay đến khi trả dứt nợ.

[3]. Xét về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như lời trình bày của

các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 30/02/2021 âm lịch bà T có thể chấp cho Ông L 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trần Văn Trung (cha chồng của bà T) đứng tên để vay số tiền 120.000.000 đồng. Theo bà T trình bày tại biên bản hòa giải ngày 27/02/2025 là sau khi vay được khoảng một tháng bà T đã trả cho Ông L được số tiền 90.000.000 đồng, nhưng không nhớ là trả vào ngày nào và trả thành mấy lần? Do bà T đã trả cho Ông L được 90.000.000 đồng nên Ông L mới đồng ý làm giấy cho bà T mượn lại 02 giấy quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên theo **“Giấy mượn bằng khoán lại”** ngày 14/03/2021 âm lịch do Bà Hứa Thị Cẩm T ký tên có nội dung: *“Tôi tên Hứa Thị Cẩm T. Thới lai, Ô Môn, CT. HKTT Cạn Vàm A, TY, UMT, KG. CMND 372023145 ngày 06-02-2018. Có cầm 02 bằng khoán đất đứng tên Trần Văn Trung. Nay tôi có công chuyện nên mượn lại bằng khoán làm công chuyện. Tôi hứa hai ngày sẽ trả lại nếu sai lời tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật”*.

Căn cứ theo nội dung của giấy mượn lại bằng khoán nói trên thì bà T có hỏi Ông L mượn lại 02 bằng khoán (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để làm công chuyện và hứa 02 ngày sẽ trả lại chứ không phải bà T trả cho Ông L được 90.000.000 đồng nên Ông L mới giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Bà T trình bày là sau khi vay **“được 01 tháng”** bà T đã trả cho Ông L được 90.000.000 đồng nên Ông L mới giao trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T là không có cơ sở, vì bà T vay tiền của Ông L ngày 30/02/2021 đến ngày 14/3/2021 thì viết **“Giấy mượn bằng khoán lại”**, tức là sau khi vay được 14 ngày bà T đã hỏi Ông L mượn lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không phải 01 tháng như bà T trình bày. Bà T cho rằng có trả cho Ông L được 90.000.000 đồng nhưng lại không nhớ trả mấy lần và trả vào ngày nào là điều hoàn toàn vô lý. Vì nếu không nhớ trả mấy lần, mỗi lần trả bao nhiêu tiền và không nhớ trả vào ngày nào, ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh có việc trả tiền thì không có cơ sở nào để bà T chứng minh việc bà T đã trả cho Ông L được số tiền là 90.000.000 đồng.

Do đó, Ông L trình bày là có cho bà T vay 120.000.000 đồng và từ khi vay đến nay bà T không có trả cho Ông L được số tiền nào là có cơ sở. Vì vậy, Ông L yêu cầu Tòa án buộc bà T phải có nghĩa vụ trả cho Ông L số tiền vay gốc 120.000.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của Ông L về việc yêu cầu bà T trả tiền lãi: Theo Ông L trình bày, lãi suất khi vay hai bên thỏa thuận là 4%/tháng, nhưng từ khi vay đến nay bà

T không có trả lãi cho Ông L. Tại biên bản hòa giải ngày 27/02/2025 của Tòa án bà T cũng trình bày là có trả gốc cho Ông L được 90.000.000 đồng, còn thiếu lại 30.000.000 đồng, điều này cho thấy thực tế là từ khi vay đến nay bà T không có đóng lãi cho Ông L. Vì vậy việc Ông L yêu cầu bà T trả lãi của số tiền vay từ ngày vay đến ngày xét xử là có căn cứ. Tuy nhiên, mức lãi suất do hai bên thỏa thuận khi vay 4%/tháng là cao hơn mức lãi suất được pháp luật quy định. Cụ thể, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thì mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, tức không quá 1,66%/tháng. Vì vậy, mức lãi suất phải được điều chỉnh lại cho phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 (tức là 1,66%/tháng). Bà T vay của Ông L số tiền 120.000.000 đồng vào ngày 30/02/2021 âm lịch (nhằm ngày 11/4/2021 dương lịch) tính đến ngày xét xử là ngày 11/3/2025 là 47 tháng. Như vậy, tiền lãi của số tiền vay từ ngày 11/4/2021 đến ngày xét xử 11/3/2025 là: $(120.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng}) \times 47 \text{ tháng} = 93.624.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là 213.624.000 đồng. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc Bà Hứa Thị Cẩm T phải trả cho ông Trần Văn L số tiền vay gốc và lãi (tính đến ngày 11/3/2025) là 213.624.000 đồng (hai trăm mười ba triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Hứa Thị Cẩm T phải chịu tiền án phí là 10.681.000 đồng (mười triệu sáu trăm tám mươi một nghìn đồng)

Ông Trần Văn L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0000856 ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 91, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Trần Văn L với bị đơn Bà Hứa Thị Cẩm T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc Bà Hứa Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ trả cho Ông Trần Văn L số tiền vay gốc và lãi (tính đến ngày 11/3/2025) là 213.624.000 đồng.

Ngoài số tiền trên, từ ngày 12/3/2025 cho đến khi thi hành án xong số tiền còn phải thi hành án, hàng tháng Bà Hứa Thị Cẩm T còn phải trả cho Ông Trần Văn L tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Hứa Thị Cẩm Tú phải chịu tiền án phí là 10.681.000 đồng (mười triệu sáu trăm tám mươi một nghìn đồng)

Ông Trần Văn L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu số 0000856 ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh